TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 12/9/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Thiện và ông Khoàng Văn Hặc
- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lầu Thị S;

Địa chỉ: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Thào A C

Nơi thường trú: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang bị tạm giam chờ thi hành án tại phân trại Quản lý phạm nhân C10, trại tạm giam công an tỉnh Đ (Vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A C1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lầu Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị S và anh Thào A C tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng đến ngày 30/01/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C vi phạm pháp luật. Đến tháng 01/2023 anh C bị bắt vì liên quan chất chất ma túy bị Tòa án tỉnh Điện Biên xử phạt. Nay xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không kéo dài được nữa, chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh C;

Về con chung: Anh chị có ba con chung là cháu Thào A M sinh ngày 26/6/2017, cháu Thào Thị Ngọc P sinh ngày 20/4/2019, cháu Thào Thị L sinh ngày 21/11/2022. Chị S yêu cầu đề nghị giao cả ba con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Trong quá trình giải quyết, tại biên bản giao ngày 21/7/2025 anh C trình bày:

Anh C không đồng ý về ý kiến quyền nuôi con chung và anh C có thể nhờ gia đình nuôi trong khi anh đang chấp hành án.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông Lý A C1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lầu Thị S, giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Thào A C do chị S không còn tình cảm. Về việc nuôi con đề nghị Tòa án giao ba con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng do anh C hiện đang bị tạm giam không trực tiếp chăm sóc các cháu được; Việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản, các đương sự không yêu cầu nêu không có ý kiến gì.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Lầu Thị S có xác nhận của UBND xã N thể hiện nội dung như trình bày trên của chị S. Quá trình giải quyết cháu Thào A M có đơn xin ở với mẹ là chị Lầu Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 15/4/2025 chị Lầu Thị S nộp đơn khởi kiện đề ngày 17/2/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đối với Anh Thào A C; Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Hiện đang bị tạm giam chờ thi hành án tại phân trại Quản lý phạm nhân C10, trại tạm giam công an tỉnh Đ. Chị S có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 25/4/2025 chị S được chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị S theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lầu Thị S và anh Thào A C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà (nay là Khu vực 4 - Điện Biên), tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Anh C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lầu Thị S và anh Thào A C kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S, anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn.

Hiện anh C đang phải đi chờ chấp hành án nên hai anh chị không còn ở cùng nhau, không thể quan tâm và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh C vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy. Năm 2020 anh C đã bị bắt và xử phạt về hành vi liên quan chất ma túy. Những nội dung trên được chính quyền đã xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh C đã vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với chị S. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S xin ly hôn, anh C không trình bày ý kiến gì về vấn đề này. Hội đồng xét xử thấy rằng chị S khẳng định tình cảm chị S đối với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị S và quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn giải quyết cho ly hôn giữa chị S với anh C.

Về con chung: Chị S, anh C có ba con chung là cháu Thào A M sinh ngày 26/6/2017, cháu Thào Thị Ngọc P sinh ngày 20/4/2019, cháu Thào Thị L sinh ngày 21/11/2022. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Thào A M có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu P, cháu L là con gái, còn nhỏ cần nhiều sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, hơn nữa anh C hiện đang bị tạm giam, không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Do vậy, để đảm bảo các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi và giới tính của các cháu Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị S, quan điểm của Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn giao cả ba cháu cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ý kiến của anh C về việc nhờ gia đình nuôi con khi anh đang chấp hành án Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho chị S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do chị S là người dân tộc thiểu số cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lầu Thị S, cho ly hôn giữa chị Lầu Thị S và anh Thào A C.

2.Về con chung: Giao ba con chung là cháu Thào A M sinh ngày 26/6/2017, cháu Thào Thị Ngọc P sinh ngày 20/4/2019, cháu Thào Thị L sinh ngày 21/11/2022 cho chị Lầu Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3.Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lầu Thị S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- *VKSND Khu vực 4 - Điện Biên;*
- *UBND xã Na Sang;*
- *THADS tỉnh Điện Biên;*
- *Tòa án tỉnh Điện Biên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*